

**Mục VIII. THANH TRA, KIỂM TRA  
VÀ XỬ LÝ**

1. Sau khi Bàn đối ngoại tậ đi vào hoạt động, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh biên giới trên địa bàn có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của Bàn đối ngoại tậ trên địa bàn theo các quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Mục IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Trường hợp có các Hiệp định, Thỏa ước quốc tế ký giữa Việt Nam với nước có chung biên giới có liên quan đến việc sử dụng tiền của nước có chung biên giới tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu thì thực hiện theo Hiệp định, Thỏa ước quốc tế đã ký.

3. Việc bổ sung, sửa đổi Thông tư này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng được phép trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
**Phó Thống đốc**

**DƯƠNG THU HƯƠNG**

**THÔNG TƯ số 08/2001/TT-NHNN ngày 06/9/2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.**

*Căn cứ Điều 42 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định thuộc phạm vi thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước như sau:*

**Mục I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Giải thích từ ngữ:**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. *Bên thuê:* là các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích sản xuất, kinh doanh của mình, bao gồm:

a) Cá nhân có đăng ký kinh doanh;

b) Hộ gia đình;

c) Doanh nghiệp;

d) Tổ chức khác thuộc đối tượng được vay vốn của các tổ chức tín dụng.

1.2. *Tổ chức tín dụng nước ngoài:* là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc quốc tế, tham gia góp vốn vào công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

1.3. *Vốn pháp định:* là mức vốn điều lệ tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập công ty cho thuê tài chính.



1.4. **Vốn điều lệ:** là mức vốn do các tổ chức, cá nhân góp và được ghi vào vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính.

1.5. **Thành viên sáng lập:** là các tổ chức, cá nhân thông qua điều lệ đầu tiên của công ty cho thuê tài chính.

## 2. Các loại hình công ty cho thuê tài chính:

Công ty cho thuê tài chính là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng, là pháp nhân Việt Nam, hoạt động chủ yếu là cho thuê tài chính. Công ty cho thuê tài chính được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới các hình thức sau:

2.1. Công ty cho thuê tài chính nhà nước: là công ty cho thuê tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh. Việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty cho thuê tài chính nhà nước theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Công ty cho thuê tài chính cổ phần: là công ty cho thuê tài chính được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó các tổ chức và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2.3. Công ty cho thuê tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng: là công ty cho thuê tài chính hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân do một tổ chức tín dụng thành lập bằng vốn tự có của mình làm chủ sở hữu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2.4. Công ty cho thuê tài chính liên doanh: là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài, trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

2.5. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn của một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. **Thời hạn hoạt động của công ty cho thuê tài chính** được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ.

## 4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính được đóng góp dưới những hình thức sau:

### 4.1. Bằng tiền:

a) Đồng Việt Nam (VND): Đối với công ty cho thuê tài chính nhà nước, công ty cho thuê tài chính trực thuộc các tổ chức tín dụng và công ty cho thuê tài chính cổ phần, vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam.

b) Đôla Mỹ (USD): Đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, vốn điều lệ được góp bằng Đôla Mỹ.

c) Bên Việt Nam tham gia vào công ty cho thuê tài chính liên doanh có thể góp vốn điều lệ bằng Đôla Mỹ hoặc bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp góp bằng Đồng Việt Nam, số tiền góp vốn điều lệ phải được quy đổi ra Đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng giữa Đồng Việt Nam với Đôla Mỹ do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm góp vốn.

4.2. Bằng hiện vật: Phải là tài sản có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu và là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của công ty cho thuê tài chính (không bao gồm các tài sản dùng để cho thuê). Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

5. **Tỷ lệ góp vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp và phân chia lợi nhuận của công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài:**

5.1. Tỷ lệ góp vốn điều lệ: Tỷ lệ góp vốn điều lệ của bên nước ngoài và bên Việt Nam trong công ty cho thuê tài chính liên doanh do các bên



thỏa thuận và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Phần vốn góp của bên nước ngoài không được ít hơn 30% vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính.

#### 5.2. Chuyển nhượng phần vốn góp:

a) Bên Việt Nam và bên nước ngoài trong công ty cho thuê tài chính liên doanh được quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho các bên trong liên doanh, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ góp vốn điều lệ theo quy định tại điểm 5.1.

b) Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài có quyền chuyển nhượng vốn của mình nhưng phải ưu tiên cho các tổ chức Việt Nam.

c) Tỷ lệ và điều kiện chuyển nhượng vốn của công ty cho thuê tài chính liên doanh phải được quy định cụ thể trong điều lệ của công ty cho thuê tài chính và phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp phần vốn điều lệ được chuyển nhượng vượt mức quy định, việc chuyển nhượng vốn chỉ có hiệu lực sau khi được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

d) Trong trường hợp chuyển nhượng vốn của công ty cho thuê tài chính có phát sinh lợi nhuận thì bên chuyển nhượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3. Phân chia lợi nhuận và mức độ chia sẻ rủi ro: Các bên tham gia công ty cho thuê tài chính liên doanh chia lợi nhuận và chịu rủi ro của công ty cho thuê tài chính liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác được quy định trong hợp đồng liên doanh.

## MỤC II. QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

### 6. Điều kiện để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đối với công ty cho thuê tài chính (dưới đây gọi tắt là Giấy phép):

6.1. Có nhu cầu hoạt động cho thuê tài chính trên địa bàn xin hoạt động;

6.2. Có đủ vốn pháp định được quy định tại Nghị định số 82/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Vốn pháp định của công ty cho thuê tài chính cổ phần, công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng là 50 tỷ VNĐ.

b) Vốn pháp định của công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là 5 triệu USD.

6.3. Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính;

6.4. Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của công ty cho thuê tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

6.5. Có dự thảo điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính và các quy định khác của pháp luật;

6.6. Có phương án kinh doanh khả thi;

6.7. Ngoài các điều kiện nêu trên, bên nước ngoài trong công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải:

a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện các hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính;

b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam.

### 7. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

7.1. Đơn xin cấp giấy phép:

a) Đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký.

b) Đối với công ty cho thuê tài chính cổ phần do các thành viên sáng lập hoặc người đại diện theo ủy quyền của nhóm thành viên sáng lập ký.



c) Đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của các bên góp vốn ký.

7.2. Dự thảo Điều lệ: Điều lệ của công ty cho thuê tài chính phải có những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên và nơi đặt trụ sở chính của công ty cho thuê tài chính;

b) Thời hạn hoạt động;

c) Nội dung và phạm vi hoạt động;

d) Vốn điều lệ và phương thức góp vốn;

e) Thể thức bầu, bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;

f) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc);

g) Đại diện pháp nhân của công ty cho thuê tài chính;

h) Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông;

i) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm tra và kiểm toán nội bộ;

k) Các trường hợp giải thể và thủ tục giải thể;

l) Thủ tục sửa đổi Điều lệ.

7.3. Phương án hoạt động: nêu rõ nội dung, phương thức hoạt động, địa bàn hoạt động, lợi ích đối với nền kinh tế; trong đó, xác định kế hoạch hoạt động cụ thể 3 năm đầu.

7.4. Danh sách, lý lịch, các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty cho thuê tài chính.

7.5. Phương án góp vốn điều lệ, danh sách và cam kết về mức góp vốn điều lệ của các bên góp vốn.

7.6. Tình hình tài chính và các thông tin có liên quan về các cổ đông lớn.

7.7. Chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nơi đặt trụ sở của công ty cho thuê tài chính.

8. Ngoài các tài liệu theo quy định tại điểm 7 Mục II Thông tư này, hồ sơ xin cấp giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng còn gồm các tài liệu sau đây:

8.1. Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký về nguồn và mức vốn điều lệ được cấp cho công ty cho thuê tài chính.

8.2. Các tài liệu liên quan đến tổ chức tín dụng là chủ sở hữu, bao gồm:

a) Quyết định thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Điều lệ hiện hành;

c) Quyết định chuẩn y vốn điều lệ của Ngân hàng Nhà nước;

d) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất.

9. Ngoài các tài liệu theo quy định tại điểm 7 Mục II Thông tư này, hồ sơ xin cấp giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài còn gồm các tài liệu sau đây:

9.1. Điều lệ của các bên góp vốn;

9.2. Giấy phép của các bên góp vốn;

9.3. Văn bản của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Trường hợp, quy định của luật pháp nước nguyên xứ không yêu cầu có văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;



9.4. Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất của các bên góp vốn;

9.5. Hợp đồng liên doanh đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh. Hợp đồng liên doanh bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ của công ty cho thuê tài chính liên doanh;

b) Địa chỉ, đại diện của các bên tham gia liên doanh;

c) Thời hạn hoạt động của liên doanh;

d) Vốn điều lệ: Tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương án góp vốn, trong đó ghi rõ số vốn bằng ngoại tệ, bằng Đồng Việt Nam, bằng hiện vật (nếu có);

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

g) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của các bên trong liên doanh;

h) Dự kiến số phòng, ban và số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài);

i) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lãi, lỗ cho các bên tham gia liên doanh;

k) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, hợp nhất của công ty cho thuê tài chính liên doanh;

l) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh.

## **10. Quy định về việc nộp hồ sơ xin cấp giấy phép:**

10.1. Hồ sơ xin cấp giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính cổ phần, công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng được lập thành 2 bộ bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải

là bản chính, trường hợp là các bản sao trong hồ sơ phải có xác nhận của cơ quan đã cấp bản chính hoặc chứng nhận của Công chứng nhà nước;

10.2. Hồ sơ xin cấp giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải lập thành 2 bộ, một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Hồ sơ được lập tại nước ngoài phải là bản chính hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Các văn bản phải được hợp pháp hóa lãnh sự gồm: Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính và văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài xác nhận;

10.3. Các tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm 10.1 và 10.2.

## **11. Xác nhận hồ sơ và thời hạn xem xét cấp giấy phép:**

11.1. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về tính đầy đủ của bộ hồ sơ cho người đại diện của các bên góp vốn.

11.2. Thời hạn xem xét và cấp giấy phép: Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp giấy phép. Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản giải thích lý do.

11.3. Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp theo mẫu quy định, gồm:



a) Giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng và công ty cho thuê tài chính cổ phần;

b) Giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

## 12. Lệ phí cấp giấy phép:

12.1. Mức lệ phí mỗi lần được cấp giấy phép (hoặc gia hạn giấy phép):

a) Đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc các tổ chức tín dụng và công ty cho thuê tài chính cổ phần phải nộp lệ phí cấp phép hoặc lệ phí cho mỗi lần gia hạn giấy phép bằng 0,1% mức vốn điều lệ;

b) Đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải nộp lệ phí cấp phép hoặc lệ phí cho mỗi lần gia hạn giấy phép bằng 10.000 USD (mười nghìn Đô la Mỹ).

12.2. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, công ty cho thuê tài chính được cấp giấy phép phải nộp lệ phí vào tài khoản tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi công ty đóng trụ sở chính. Chứng từ nộp lệ phí phải được sao gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ các Ngân hàng) để lưu hồ sơ.

12.3. Khoản lệ phí quy định tại điểm 12.1 nêu trên không được khấu trừ vào vốn điều lệ và không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào.

## 13. Việc chuyển vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính vào tài khoản phong tỏa:

13.1. Trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 (ba mươi) ngày, công ty cho thuê tài chính phải:

a) Chuyển toàn bộ phần vốn điều lệ góp bằng tiền vào tài khoản phong tỏa không được hưởng lãi mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi công ty đóng trụ sở chính và được nơi

giữ tài khoản phong tỏa xác nhận bằng văn bản. Văn bản xác nhận số tiền đã nộp vào tài khoản phong tỏa phải được gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ các Ngân hàng);

b) Đối với phần vốn điều lệ được đóng góp dưới hình thức hiện vật phải có văn bản chuyển giao quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

13.2. Sau ngày khai trương hoạt động, công ty cho thuê tài chính được giải tỏa số tiền từ tài khoản phong tỏa vào các tài khoản hoạt động của mình mở tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng thương mại, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài hoặc Ngân hàng liên doanh hoạt động tại Việt Nam.

## 14. Đăng ký kinh doanh:

14.1. Sau khi được cấp giấy phép, công ty cho thuê tài chính phải đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh;

14.2. Công ty cho thuê tài chính phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước bản chính hoặc bản sao có công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

## 15. Khai trương hoạt động:

15.1. Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép, công ty cho thuê tài chính phải hoàn tất các điều kiện cần thiết dưới đây để tiến hành khai trương hoạt động:

a) Có Điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Có giấy xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc đã đóng đủ vốn điều lệ;

d) Có văn bản pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền được phép sử dụng trụ sở chính của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam;

đ) Trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 (ba mươi) ngày, đăng các báo hàng ngày bằng



tiếng Việt trên 5 (năm) số báo liên tiếp (ít nhất một tờ báo của Trung ương và một tờ báo của địa phương nơi đặt trụ sở chính) thông báo các nội dung chủ yếu sau:

- Tên đầy đủ và viết tắt của công ty cho thuê tài chính;
- Địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại, fax...;
- Vốn điều lệ;
- Nội dung, phạm vi, địa bàn và thời gian hoạt động;
- Số và ngày của giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp; số và ngày Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tên cơ quan cấp;
- Họ tên, quốc tịch của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành;
- Các nội dung khác nếu thấy cần thiết;
- Ngày khai trương hoạt động theo dự kiến.

15.2. Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai trương hoạt động, công ty cho thuê tài chính phải thông báo ngày khai trương hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở.

15.3. Trong trường hợp đặc biệt không khai trương hoạt động theo đúng quy định tại điểm 15.1 thì tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi hết thời hạn khai trương hoạt động, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền của công ty cho thuê tài chính phải có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước xin gia hạn ngày khai trương hoạt động. Thời gian gia hạn khai trương hoạt động của công ty cho thuê tài chính tối đa không quá 6 (sáu) tháng.

15.4. Hết thời hạn quy định hoặc hết thời hạn được gia hạn, nếu công ty cho thuê tài chính không khai trương hoạt động, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiến hành thu hồi giấy phép đã cấp và

làm thủ tục hoàn lại vốn tại tài khoản phong tỏa (nếu có) sau khi trừ đi thủ tục phí theo quy định.

## 16. Thu hồi giấy phép:

16.1. Công ty cho thuê tài chính được cấp giấy phép có thể bị thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng.

16.2. Thủ tục, hồ sơ thu hồi giấy phép của công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

16.3. Sau khi bị thu hồi giấy phép, công ty cho thuê tài chính phải chấm dứt ngay mọi hoạt động đã ghi trong giấy phép.

16.4. Ngân hàng Nhà nước công bố quyết định thu hồi giấy phép trên báo địa phương nơi đặt trụ sở chính và báo hàng ngày của Trung ương trong 3 số liên tiếp bằng tiếng Việt.

## 17. Những thay đổi của công ty cho thuê tài chính phải được chấp thuận:

17.1. Công ty cho thuê tài chính phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong những điểm sau đây:

- a) Tên của công ty cho thuê tài chính;
- b) Mức vốn điều lệ;
- c) Địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;
- d) Chuyển nhượng cổ phần có ghi tên vượt quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- e) Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn;
- g) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và thành viên Ban kiểm soát.

17.2. Thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận những thay đổi tại điểm 17.1 được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

17.3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp



thuận, công ty cho thuê tài chính phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại điểm 17.1 và phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật.

### **Mục III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT**

#### **18. Quản trị, điều hành và kiểm soát:**

18.1. Công ty cho thuê tài chính được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc). Trong công ty cho thuê tài chính, Hội đồng quản trị có chức năng quản trị công ty theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán và hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ của công ty; Tổng Giám đốc (Giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật.

Đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng, việc quản trị, kiểm soát công ty do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng quyết định.

18.2. Việc bầu hoặc bãi miễn, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

18.3. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty cho thuê tài chính phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y

hoặc được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền chuẩn y.

18.4. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty cho thuê tài chính do Ngân hàng Nhà nước quy định.

#### **19. Hội đồng quản trị:**

19.1. Hội đồng quản trị có số thành viên tối thiểu là 3 người và không vượt quá 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do các bên góp vốn hoặc do Đại hội cổ đông quyết định và được quy định trong Điều lệ.

19.2. Thành viên Hội đồng quản trị là những người có uy tín, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết về hoạt động ngân hàng - tài chính, không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 40 Luật các Tổ chức tín dụng và phải theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19.3. Chủ tịch và các thành viên trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc.

19.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) công ty cho thuê tài chính.

19.5. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị từ 2 đến 5 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.

#### **20. Ban kiểm soát:**

20.1. Ban kiểm soát có số thành viên tối thiểu là 3 người, trong đó có 1 người là Trưởng ban và ít nhất phải có 1 người là thành viên chuyên trách hoặc không được kiêm nhiệm công việc điều hành hoạt động của công ty cho thuê tài chính. Số lượng thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ.



20.2. Thành viên Ban kiểm soát phải là những người có bằng đại học tài chính ngân hàng trở lên và có đạo đức nghề nghiệp, không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 40 Luật các Tổ chức tín dụng và phải theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

### 21. Tổng Giám đốc (Giám đốc):

Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) phải là người không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 40 Luật các Tổ chức tín dụng, có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành kinh tế, ngân hàng - tài chính, ít nhất có 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính, có năng lực điều hành công ty cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

### 22. Cơ cấu tổ chức của công ty cho thuê tài chính:

22.1. Công ty cho thuê tài chính được mở, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện trong, ngoài nước sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty cho thuê tài chính được áp dụng theo Điều 33 Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

22.2. Công ty cho thuê tài chính được thành lập công ty trực thuộc, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập để hoạt động trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

22.3. Bộ máy giúp việc tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty cho thuê tài chính bao gồm: văn phòng, các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ và các phòng giao dịch.

23. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể công ty cho thuê tài chính phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

## Mục IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

### 24. Nội dung và phạm vi hoạt động:

24.1. Nội dung và phạm vi hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam được quy định tại giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp, Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

24.2. Công ty cho thuê tài chính được phép huy động vốn từ các nguồn sau:

a) Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên của các tổ chức, cá nhân.

b) Vay vốn ngắn, trung và dài hạn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

c) Phát hành các loại giấy tờ có giá:

- Giấy tờ có giá bao gồm: trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác có kỳ hạn trên 1 năm.

- Công ty cho thuê tài chính chỉ được phép phát hành các loại giấy tờ có giá khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

- Hồ sơ xin phát hành các loại giấy tờ có giá gửi Ngân hàng Nhà nước xem xét giải quyết bao gồm: Tờ trình xin phát hành giấy tờ có giá; phương án phát hành và sử dụng vốn thu được thông qua việc phát hành; các tài liệu có liên quan khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

d) Tiếp nhận các nguồn vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

24.3. Công ty cho thuê tài chính được thực hiện các nghiệp vụ sau:

a) Cho thuê tài chính;

b) Mua và cho thuê lại theo hình thức cho



thuê tài chính (dưới đây gọi tắt là mua và cho thuê lại): Theo hình thức này, công ty cho thuê tài chính mua lại máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản thuộc sở hữu của bên thuê và cho bên thuê thuê lại chính các tài sản đó dưới hình thức cho thuê tài chính để bên thuê tiếp tục sử dụng phục vụ cho hoạt động của mình;

c) Tư vấn cho khách hàng về những vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính;

d) Thực hiện các dịch vụ ủy thác, quản lý tài sản và bảo lãnh liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính;

d) Các hoạt động khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

#### 24.4. Hoạt động ngoại hối:

a) Hoạt động ngoại hối của các công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài được quy định tại giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp. Đối với các công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài đã được cấp giấy phép hoạt động trước khi Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 ban hành, Ngân hàng Nhà nước làm thủ tục bổ sung các nội dung hoạt động ngoại hối vào giấy phép hoạt động.

b) Các công ty cho thuê tài chính không thuộc đối tượng nêu tại điểm a khoản 24.4 Mục này nếu muốn hoạt động ngoại hối phải có đơn và hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động ngoại hối gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định hiện hành.

24.5. Đồng tiền sử dụng trong các giao dịch cho thuê tài chính:

a) Công ty cho thuê tài chính được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính bằng Đồng Việt Nam.

b) Đối với các giao dịch cho thuê tài chính được thực hiện bằng ngoại tệ, công ty cho thuê tài chính phải thực hiện đúng các quy định hiện

hành về quản lý ngoại hối như trong trường hợp cho vay bằng ngoại tệ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

#### 24.6. Lãi suất cho thuê tài chính:

a) Đối với lãi suất cho thuê bằng Đồng Việt Nam, công ty cho thuê tài chính ấn định trên cơ sở mức lãi suất cho vay cơ bản và biên độ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định từng thời kỳ và các chi phí khác có liên quan.

b) Đối với lãi suất cho thuê bằng ngoại tệ, công ty cho thuê tài chính ấn định trên cơ sở lãi suất thị trường quốc tế và cung cầu vốn tín dụng bằng ngoại tệ ở trong nước và các chi phí khác có liên quan.

25. Tỷ lệ bảo đảm an toàn: Công ty cho thuê tài chính phải duy trì tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 81 Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

#### 26. Giới hạn cho thuê tài chính đối với một khách hàng:

26.1. Tổng dư nợ cho thuê tài chính đối với một khách hàng không được vượt quá 30% vốn tự có của công ty cho thuê tài chính, trừ trường hợp đối với những khoản cho thuê tài chính từ các nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức, cá nhân hoặc trường hợp bên thuê là tổ chức tín dụng;

26.2. Trường hợp nhu cầu thuê của một khách hàng vượt quá 30% vốn tự có của công ty cho thuê tài chính hoặc khách hàng có nhu cầu thuê từ nhiều nguồn thì các công ty cho thuê tài chính được cho thuê hợp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

26.3. Trong trường hợp đặc biệt, đối với các dự án trọng điểm của Nhà nước mà khả năng hợp vốn của các công ty cho thuê tài chính chưa đáp ứng được yêu cầu thuê tài chính của một khách hàng thì tổng dư nợ cho thuê tài chính tối đa đối với từng trường hợp cụ thể do Thủ tướng Chính phủ quyết định.



**27. Những trường hợp công ty cho thuê tài chính không được cho thuê tài chính:**

27.1. Công ty cho thuê tài chính không được cho thuê tài chính đối với các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của công ty cho thuê tài chính;

b) Người thẩm định, xét duyệt cho thuê tài chính;

c) Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc).

27.2. Công ty cho thuê tài chính không được chấp nhận bảo lãnh của các đối tượng quy định tại điểm 27.1 Mục IV Thông tư này để làm cơ sở cho thuê tài chính đối với khách hàng.

**28. Hạn chế cho thuê tài chính:**

28.1. Công ty cho thuê tài chính không được cho thuê tài chính với những điều kiện ưu đãi cho các đối tượng sau:

- Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại công ty cho thuê tài chính; kế toán trưởng, thanh tra viên;

- Các cổ đông lớn của công ty cho thuê tài chính;

- Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại điểm 27.1 Mục IV Thông tư này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

28.2. Tổng dư nợ cho thuê tài chính đối với các đối tượng quy định tại điểm 28.1 Mục này không được vượt quá 5% vốn tự có của công ty cho thuê tài chính.

**29.** Công ty cho thuê tài chính được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam. Trường hợp cần mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

**30. Hợp đồng cho thuê tài chính:**

30.1. Hợp đồng cho thuê tài chính phải được lập thành văn bản phù hợp với các quy định tại Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính;

30.2. Hợp đồng cho thuê tài chính có hiệu lực từ ngày được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

**31. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn:**

31.1. Bên cho thuê có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước khi kết thúc thời hạn cho thuê khi có một trong các trường hợp sau:

a) Bên thuê không trả tiền thuê theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính;

b) Bên thuê vi phạm các điều khoản của hợp đồng cho thuê tài chính;

c) Bên thuê bị phá sản, giải thể;

d) Người bảo lãnh bị phá sản, giải thể và bên cho thuê không chấp nhận đề nghị chấm dứt bảo lãnh hoặc đề nghị người bảo lãnh khác thay thế của bên thuê.

31.2. Bên thuê có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước khi kết thúc thời hạn thuê khi có một trong các trường hợp sau:

a) Bên cho thuê không giao đúng hạn tài sản cho thuê do lỗi của bên cho thuê;

b) Bên cho thuê vi phạm các điều khoản của hợp đồng cho thuê tài chính.

31.3. Hợp đồng cho thuê tài chính được chấm dứt trước khi kết thúc thời hạn cho thuê trong trường hợp tài sản cho thuê bị mất, hỏng không thể phục hồi sửa chữa.

31.4. Hợp đồng cho thuê tài chính được chấm dứt trước khi kết thúc thời hạn cho thuê trong trường hợp bên cho thuê chấp nhận để bên thuê thanh toán toàn bộ tiền thuê trước thời hạn cho thuê ghi tại hợp đồng cho thuê tài chính.



### **32. Xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn do lỗi của bên thuê:**

32.1. Trong trường hợp bên thuê vi phạm phần a, b điểm 31.1:

a) Khi bên thuê vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính, công ty cho thuê tài chính có quyền thu hồi tài sản cho thuê và yêu cầu bên thuê phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng.

b) Công ty cho thuê tài chính được xử lý tài sản cho thuê bằng việc cho bên khác thuê hoặc chuyển nhượng tài sản cho thuê. Tiền thu được từ việc cho bên khác thuê hoặc chuyển nhượng tài sản sẽ được sử dụng để bù trừ số nợ phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính trước đó.

c) Bên thuê có nghĩa vụ tiếp tục hoàn trả số nợ còn phải trả theo hợp đồng cho thuê tài chính khi công ty cho thuê tài chính chưa chuyển nhượng, cho bên khác thuê được tài sản cho thuê hoặc có nghĩa vụ phải hoàn trả số nợ còn lại sau khi đã trừ đi số tiền chuyển nhượng hoặc cho bên khác thuê tài sản.

d) Trong trường hợp bên thuê đã hoàn trả một phần số tiền thuê phải trả và công ty cho thuê tài chính đã chuyển nhượng hoặc cho bên khác thuê tài sản, số tiền thuê đã trả nếu cộng vào số tiền chuyển nhượng hoặc tiền cho bên khác thuê tài sản mà vượt quá số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê thì công ty cho thuê tài chính phải hoàn trả cho bên thuê số tiền vượt.

đ) Trong trường hợp bên thuê hoàn trả được toàn bộ số tiền thuê phải trả theo hợp đồng và phần giá trị còn lại của tài sản khi kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê thì bên thuê được chuyển quyền sở hữu đối với tài sản thuê như trường hợp đã hoàn thành hợp đồng thuê. Điều kiện, thời hạn thanh toán tiền thuê phải được công ty cho thuê tài chính chấp thuận.

32.2. Việc xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn trong trường hợp bên thuê bị

phá sản, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản, giải thể.

### **Mục V. TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **33. Tài chính:**

33.1. Năm tài chính của công ty cho thuê tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch;

33.2. Thu, chi tài chính của công ty cho thuê tài chính thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ tài chính của các tổ chức tín dụng;

33.3. Trường hợp công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài cần sử dụng năm tài chính của nước nguyên xứ để soạn thảo các báo cáo tài chính cho các tổ chức tín dụng nguyên xứ phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

#### **34. Hạch toán:**

34.1. Hạch toán của công ty cho thuê tài chính phải được thực hiện theo đúng Luật các Tổ chức tín dụng và hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước ban hành;

34.2. Đối với các nghiệp vụ mới bổ sung của công ty cho thuê tài chính chưa được quy định tại hệ thống tài khoản, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm bổ sung các tài khoản mới vào hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng.

#### **35. Trích lập và sử dụng các quỹ:**

35.1. Lợi nhuận thực hiện trong năm là kết quả kinh doanh của công ty cho thuê tài chính sau khi đã nộp thuế thu nhập theo quy định của pháp luật hiện hành;



35.2. Việc trích lập, duy trì và sử dụng các quỹ của công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ tài chính của các tổ chức tín dụng;

35.3. Công ty cho thuê tài chính phải trích dự phòng rủi ro và hạch toán vào chi phí hoạt động. Việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

35.4. Công ty cho thuê tài chính không được dùng các quỹ quy định tại điểm 35.2 của Mục này để trả lợi tức hoặc phân phối cho các chủ sở hữu, cổ đông dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp công ty cho thuê tài chính giải thể và thanh lý, nhưng phải ưu tiên trả cho chủ nợ trước khi hoàn trả lại các chủ sở hữu, cổ đông;

35.5. Việc chuyển lợi nhuận và số tài sản sau khi thanh lý hoặc kết thúc hoạt động ra nước ngoài của các bên nước ngoài trong công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và pháp luật hiện hành.

**36.** Chế độ thông tin, báo cáo, thống kê: Các báo cáo của công ty cho thuê tài chính phải được thể hiện bằng tiếng Việt và bằng Đồng Việt Nam. Công ty cho thuê tài chính phải thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**37.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày có các thay đổi dưới đây công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước:

a) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành của các bên góp vốn.

b) Thay đổi tên và địa chỉ của các bên góp vốn.

c) Các bên góp vốn chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản.

### **38. Kiểm toán:**

38.1. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, công ty cho thuê tài chính phải lựa chọn tổ chức kiểm toán không phải kiểm toán nội bộ để kiểm toán các hoạt động của mình. Tổ chức kiểm toán đó phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

38.2. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty cho thuê tài chính phải gửi báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến Ngân hàng Nhà nước.

## **Mục VI. THANH TRA, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP**

### **39. Thanh tra:**

39.1. Công ty cho thuê tài chính phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước;

39.2. Việc thanh tra của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam được thực hiện theo các quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

**40.** Việc kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể, thanh lý đối với công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật hiện hành.

**41.** Việc khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các hoạt động cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

**42.** Các tranh chấp giữa công ty cho thuê tài chính với bên thuê và các tranh chấp giữa các bên góp vốn tham gia vào công ty cho thuê tài chính



cổ phần, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài được giải quyết theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

### **Mục VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**43.** Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính có hiệu lực, các công ty cho thuê tài chính đã thành lập và hoạt động theo giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực phải tiến hành điều chỉnh cơ cấu tổ chức và hoạt động phù hợp với những quy định của Thông tư này và những văn bản hướng dẫn có liên quan.

**44.** Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**45.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các công ty cho thuê tài chính trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

**46.** Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
*Phó Thống đốc*

**TRẦN MINH TUẤN**